

Số: **09/2019/ DS-ST**

Ngày 08/10/2019

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lã Hùng Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Vinh.**
2. Ông **Nguyễn Văn Trình.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST- DS, ngày 08 tháng 03 năm 2019 về “*tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 09 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS, ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **ông Lê Văn T, sinh năm 1957.**

Địa chỉ: Thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Bị đơn: - **Bà Khổng Thị T1, sinh năm 1954.**

Địa chỉ: Thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Lê Văn M, sinh năm 1953.**

- Bà Lê Thị Y, sinh năm 1968.
- Anh Lê Văn T2, sinh năm 1977.
- Anh Lê Văn B, sinh năm 1984.
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.
- Ông Lê Văn T4, sinh năm 1937.

Cùng có địa chỉ: Thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Chị Lê Thị Lệ S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 50B, Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

(Ông T, bà T1, chị S, anh B, anh T2, chị H, bà Y có mặt; Ông M, ông T4 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/09/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ông Lê Văn T trình bày:

Bố đẻ ông là cụ Lê Văn H1 (sinh năm 1927, đã chết năm 1978) có kết hôn hợp pháp với mẹ đẻ ông là cụ Lê Thị T3 (sinh năm 1924, chết năm 1997) và sinh được bốn người con là: Lê Văn C, sinh năm 1949 (chết năm 2016); Lê Văn M, sinh năm 1953; Lê Văn T, sinh năm 1957; Lê Thị Y, sinh năm 1968; Đối với ông Lê Văn C có vợ là bà Khổng Thị T1 và ba người con là Lê Văn T2, Lê Văn B, Lê Thị Lệ S; Hiện đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ngoài ra cụ H1, cụ T3 không có người con chung là con đẻ, con nuôi hay người con riêng nào khác.

Khi chết cụ H1 không để lại di chúc, cụ T3 chết có nói miệng là để lại một phần đất phía đằng sau nhà cho ông T được hưởng, khi cụ T3 nói có người chứng kiến là ông Lê Xuân C1, Lê Văn H2, Lê Văn G, Lê Văn T5, Lê Văn H3, đều trú tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, tuy nhiên không nói cụ thể là để lại phần đất bao nhiêu mét vuông.

Cụ H1, cụ T3 chết để lại duy nhất di sản là: Quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại sổ địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân xã TH và tư liệu bản đồ 299 (lập năm 1986) hiện vẫn mang tên cụ Lê Thị T3. Ngoài ra không có di sản nào khác. Cụ H1, cụ T3 chết đều không để lại nghĩa vụ tài sản gì. Nguồn gốc diện tích đất này là do tổ tiên để lại từ năm đời nay, bố mẹ ông T được tiếp nhận thửa đất này từ những năm 1960, cả gia đình ông đều sinh sống ổn định trên thửa đất từ đó cho đến nay. Năm 2006, khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã TH đã đo đạc và lập hồ sơ đối với thửa đất trên thì ông Lê Văn C khi đó còn sống đã khai tên mình

là chủ sử dụng thửa đất trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì thời gian đó ông T đang công tác tại huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ nên không biết sự việc. Hiện tại bà Không Thị T1 cùng các con đã xây dựng nhà hai tầng một tum cùng một phòng thờ vào tháng 09/2016. Thời gian này ông T và các anh em của ông đã nhiều lần yêu cầu bà T1 xây dựng công trình gọn về một phía (tức chỉ xây dựng trong phạm vi $\frac{1}{2}$ diện tích đất kể trên) và không được mở lối đi vào phần đất cụ T3 đã nói miệng cho ông T được hưởng, nhưng bà T1 vẫn cố tình xây dựng công trình bành trướng và định mở cổng rộng ba mét vào diện tích đất của ông T, điều này ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Lê Văn T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về án phí.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn T đã nộp chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp là 7.400.000đ. Nay ông T yêu cầu bà Không Thị T1 phải hoàn trả lại cho ông tổng số tiền là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí cho việc đo đạc, thẩm định, định giá tài sản.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 3 năm 2019 bà Không Thị T1 trình bày:

Bà T1 thừa nhận với quan điểm của ông Lê Văn T về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, hàng thừa kế và di sản thừa kế, nguồn gốc di sản như ông T đã trình bày. Bà có kết hôn hợp pháp với ông Lê Văn C (sinh năm 1949, chết năm 2016), đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào năm 1975. Sau khi tổ chức kết hôn bà và ông C cùng chung sống với cụ Lê Văn H1 và cụ Lê Thị T3 trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Bà T1 và ông C có ba người con chung là Lê Văn T2, sinh năm 1977; Lê Thị Lệ S, sinh năm 1980 và Lê Văn B, sinh năm 1984, Ngoài ra không có người con chung, con riêng là con đẻ hay con nuôi nào khác. Cụ H1, cụ T3 chết để lại duy nhất di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ H1, cụ T3 không để lại nghĩa vụ tài sản gì. Ông C chết cũng không để lại di chúc.

Trong quá trình sinh sống trên thửa đất, bà T1 và ông C đã hàng năm đổ thêm đất để nâng nền cao so với mặt đường, tuy nhiên bà không xác định được số mét khối đất đã đổ, chỉ biết là cao khoảng 01 mét so với nền cũ. Ông C, bà T1 đã xây tường bao bằng gạch ba vành vòng quanh thửa đất cao 1,8 mét, dài khoảng 60 mét và có trồng một số cây nhãn, bưởi. Năm 2006, ông C có gọi điện cho ông T nói về việc Ủy ban nhân dân xã TH làm hồ sơ đo đạc, nhưng ông T nói không về, vì thế khi đó ông C là người duy nhất đang quản lý

thửa đất số 73 nên đã đứng tên trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm năm 2016, khi anh Lê Văn T2 (con trai bà T1) xây dựng nhà có trao đổi trực tiếp với ông T, ông T cũng nói đất này là để con trưởng thờ cúng, nay có cháu Tàn là cháu trưởng thì cứ cho cháu xây nhà và xây nhà thờ, tuy nhiên ông T không về và cũng không có quan điểm gì cụ thể về yêu cầu chia đất. Nay ông Lê Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật bà T1 không đồng ý, bà cũng nhất trí để lại cho ông T một phần đất là diện tích đất hiện chưa có nhà ở nhưng có cây cối, còn diện tích cụ thể thì bà không xác định được. Bà T1 đề nghị giữ nguyên phần diện tích công sắp hình thành để tiện cho việc đi lại của cả hai bên và yêu cầu Tòa án phân chia cho hợp lý để tránh ảnh hưởng công trình xây dựng của các con bà.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà T1 không chấp nhận việc phải chịu án phí theo quy định. Không chấp nhận việc trả cho ông T 7.400.000đ (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định, định giá, đo đạc.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn M, bà Lê Thị Y đều nhất trí lời trình bày của ông Lê Văn T về mối quan hệ gia đình, di sản thừa kế, diện và hàng thừa kế. Ông M, bà Y đều từ chối nhận di sản thừa kế do các ông bà đều có gia đình riêng, có nhà ở ổn định và không có công sức, đóng góp gì đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T2, chị Lê Thị Lệ S, anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị H đều nhất trí lời trình bày của bà Không Thị T1 về mối quan hệ gia đình, diện và hàng thừa kế và quan điểm giải quyết vụ án. Tại giấy khai ngày 21/03/2019 anh Lê Văn T2 trình bày: Anh là con đẻ của ông Lê Văn C (đã chết năm 2016) và bà Không Thị T1, từ khi sinh ra anh đã sống trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của ông cha để lại. Trong quá trình sinh sống trên thửa đất, anh và bố đẻ anh đã nhiều lần gọi ông T về để chia đất cho rõ ràng nhưng ông T nói không về và bảo đất này để cho anh thờ cúng tổ tiên. Đến năm 2016, ông C chết không để lại di chúc, anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị H đã xây dựng nhà hai tầng một tum cùng một gian nhà thờ nối liền với nhà chính trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ngoài ra anh T2 còn xây trụ cổng, dải gạch vồ để mở cổng làm lối đi rộng khoảng 03 mét vào thửa đất số 73, tuy nhiên khi chưa làm xong cổng thì ông T cản trở việc xây dựng. Nay anh T2 không nhất trí quan điểm của ông T về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật, anh cũng nhất trí quan điểm của bà T1 là để lại phần diện tích đất chưa có nhà ở cho ông T và gia đình anh được giữ nguyên các công trình xây dựng và hoàn thành tiếp phần lối cổng đang xây dở.

Tại giấy khai ngày 21/03/2019 và biên bản hòa giải ngày 25/4/2019 chị Nguyễn Thị H trình bày: chị là vợ của anh Lê Văn T2, sau khi tổ chức kết hôn hợp pháp năm 2010 chị cùng anh T2 về chung sống trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 tại LT, TH, Ba Vì, Hà Nội. Trong quá trình chung sống với anh T2, năm 2016 chị cùng anh T2 xây dựng nhà hai tầng một tum cùng một gian nhà thờ nối liền với nhà chính, chị đã góp 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) để xây dựng các công trình trên. Ngoài ra chị không đóng góp công sức gì trong việc tạo lập, bảo quản, tôn tạo đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ 02. Nếu Tòa án giải quyết chia thừa kế thì chị đề nghị phải tính đến công sức của chị khi chị xây dựng nhà. Tuy nhiên chị H không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Tại giấy khai ngày 21/03/2019 và giấy khai ngày 15/03/2019, biên bản hòa giải ngày 25/4/2019, chị Lê Thị Lệ S và anh Lê Văn B đều trình bày: anh chị là con đẻ của ông Lê Văn C và bà Khổng Thị T1. Trong quá trình chung sống trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội anh chị cũng góp công sức trong quá trình bảo quản, tôn nền cho thửa đất. Nhưng cụ thể như thế nào thì anh chị không tính toán được và cũng không có yêu cầu gì. Phần quyền lợi của anh B, chị S khi Tòa án phân chia di sản thừa kế, anh B, chị S đều thống nhất để cho bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, chị Nguyễn Thị H tiếp tục sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 và các công trình đã xây dựng trên thửa đất này. Anh B, chị S không yêu cầu được nhận phần đất hay bất cứ yêu cầu gì khác đối với bà T1, anh T2, chị H.

Tại phiên tòa hôm nay : Ông Lê Văn T có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 , diện tích $545m^2$ ở thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật. Ông T đề nghị chia di sản thừa kế làm hai phần: Phần 1: ông Lê Văn T được quyền sử dụng diện tích đất $272,5m^2$ trên phần đất trống có các cây cối do ông Cùng bà T1 trồng trước đây đã được định giá tài sản; Phần 2: cho bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C được quyền sử dụng phần diện tích đất $272,5m^2$, trên phần đất có nhà 03 tầng và tài sản do bà T1 và vợ chồng anh T2 xây dựng năm 2017 đã được hội đồng định giá tài sản .(Theo sơ đồ đo đạc ngày 19/7/2019).

Về phần cây cối bà Khổng Thị T1 và ông Lê Văn C đã trồng cùng phần công sát phía ngoài do anh T2 đang xây dựng thuộc diện tích đất $272,5m^2$ của ông T thì nay yêu cầu bà T1 di chuyển toàn bộ và trả lại mặt bằng cho ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa, bà Khổng Thị T1 không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T, bà chấp nhận cho ông Lê Văn T được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất trống, có cây cối tổng diện tích là $222,5m^2$;Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và các con của bà được quyền sử dụng diện tích đất phần có nhà do anh T2 xây dựng năm 2017 đã được định giá tài sản (Theo sơ

đồ đo đạc ngày 19/7/2019). Đối với phần cây cối bà T1 và ông C đã trồng cùng phần diện tích tường bao đã xây dựng nhiều năm nay, bà T1 có quan điểm giao cho ông Lê Văn T được sử dụng và ông T phải thanh toán lại giá trị các cây trồng này cho bà. Bà Khổng Thị T1 có trình bày về vấn đề công sức trong việc bảo quản, đóng thuế đất, tôn tạo thửa đất số 73, công đổ đất xuống vườn có trị giá tổng là 3.000.000,đ (Ba triệu đồng).

Ông T cho rằng bà T1 không có đổ đất xuống nền vườn, mà trước đây các cụ để lại ngôi nhà cấp bốn, 04 gian khung gỗ, ngói mũi, khi bà T1 và anh T2 làm nhà mới tự ý đập phá, san nền. Ông T cũng không yêu cầu bà T1 và các con bà T1 phải thanh toán trị giá tài sản của ngôi nhà 04 gian đã bị đập phá, đồng thời ông T không chấp nhận việc thanh toán cho bà T1 3.000.000,đ (Ba triệu đồng) tiền đổ đất. Tại phiên tòa bà Khổng Thị Thìn cùng các con bà T1 đều rút yêu cầu tính phần công đổ đất xuống vườn có trị giá là 3.000.000,đ (Ba triệu đồng).

Tại phiên tòa ông Lê Văn M vắng mặt, ông có lời trình bày tại hồ sơ vụ án đã từ chối nhận di sản thừa kế của cụ H1, cụ T3 ông hoàn toàn đồng ý giao phần di sản thừa kế của ông được hưởng cho ông Lê Văn T, ông Lê Văn C là những người được hưởng di sản của cụ H1, cụ T3.

Ông Lê Văn T4 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình tiến hành tố tụng, ông T4 đã được tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định xét xử. Tại đơn xin vắng mặt ngày 02/9/2019 của ông Lê Văn T4 trình bày quan điểm: Phần diện tích đất hiện mang tên ông T4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản đồ 299 không thể hiện riêng biệt mà được gộp chung vào thửa đất mang tên cụ Lê Thị T3, sau được chia tách cho rõ ràng và đến năm 2007 được thể hiện trên bản đồ số hóa thửa đất. Thửa đất mang tên ông T4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế không có sự tranh chấp gì. Ông T4 khẳng định phần diện tích đất của ông không liên quan gì đến phần diện tích đất của cụ Lê Văn H1 và Lê Thị T3.

Bà Lê Thị Y có mặt tại phiên tòa trình bày : Bà từ chối nhận di sản thừa kế của cụ H1, cụ T3, bà hoàn toàn đồng ý giao phần di sản thừa kế của mình cho ông Lê Văn T, ông Lê Văn C là những người được hưởng di sản của cụ H1, cụ T3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Quan điểm đề xuất giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán :

Thẩm phán đã thực hiện đúng các qui định về trách nhiệm của thẩm phán theo Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- **Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật:** vụ án được thụ lý theo đơn khởi kiện của ông T, khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 BLTTDS. Trên cơ sở di sản thừa kế là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 02 ở TH - Ba Vì nên Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý đơn khởi kiện trên là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

- **Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:** Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 BLTTDS

- **Về thu thập tài liệu chứng cứ và giao nộp chứng cứ:**

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và ủy thác thu thập chứng cứ. Việc lấy lời khai và ủy thác thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS.

- **Thực hiện việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:**

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai giao nộp chứng cứ và hòa giải. Việc mở phiên họp và hòa giải được thông báo đúng quy định đến các đương sự. Thủ tục phiên họp và hòa giải đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 205 đến 211 BLTTDS.

- **Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử:** Vụ án được thụ lý số 20 ngày 08/3/2019, sau đó gia hạn thời hạn giải quyết 02 tháng đến ngày 04/9/2019, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- **Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự:**

Việc gửi TBTLVA và các văn bản tố tụng khác: giấy triệu tập, QĐXX cho các đương sự theo đúng quy định của BLTTDS từ các Điều 170, 171, 172, 173, 175, 177 và 220 BLTTDS.

- **Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu:** Ngày 04/9/2019, Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Do đó đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS.

*** Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký Tòa án tại Phiên tòa**

Tại phiên tòa hôm nay:

- Thư ký: đã tiến hành kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của các đương sự, phổ biến nội quy phiên tòa và tiến hành ghi chép biên bản theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 239 BLTTDS năm 2015.

- HĐXX đã thực hiện đúng nhiệm vụ và thẩm quyền quy định của pháp luật HĐXX đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số ... ngày 04/9/2019; thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

2. Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

***Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

Do cụ H1 chết năm 1978, cụ T3 chết năm 1996, trước khi chết các cụ không để lại di chúc. Vì vậy, việc thừa kế đối với di sản của cụ H1 và cụ T3 được chia theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1 gồm: cụ T3, ông C, ông M, ông T và bà Y; hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 gồm có: ông C, ông M, ông T và bà Y. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn M và bà Lê Thị Y từ chối nhận di sản thừa kế, khi từ chối nhận di sản thừa kế ông M và bà Y không tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ai trong hàng thừa kế.

Di sản thừa kế: thửa đất số 73, tờ bản đồ số 02, diện tích 545 m² tại thôn LT – TH – Ba Vì

Căn cứ các điều 620, 623, 649, 650, 651 BLDS

Chia thừa kế: do ông M và bà Y từ chối nhận di sản thừa kế của cụ H1 và cụ T3 để lại nên di sản thừa kế của cụ H1 và cụ T3 để lại được chia đều cho ông T và ông C. Như vậy, mỗi suất thừa kế được hưởng: $545/2 = 272,5m^2$

Do ông C chết năm 2016 do vậy, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm: bà T1, anh T2, anh B và chị S được hưởng phần di sản thừa kế của ông C.

Đối với tài sản trên đất: nhà ba tầng khung bê tông thép trên lợp tôn chống nóng xây dựng năm 2017 diện tích 195,9m², 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép dùng làm nhà thờ xây dựng năm 2017 diện tích 37,6m² (các tài sản này do bà Thìn và anh T2 xây dựng); 01 tường bao xây gạch ba vạnh dài 41,61m, cao 1,6m (do vợ chồng bà T1 xây dựng trước năm 2007), 02 trụ cổng và cánh cổng do anh Tân xây dựng năm 2017; một số cây cối khác do vậy phân chia cho bà T1, anh T2, anh B và chị S được ưu tiên nhận phần diện tích đất có các tài sản trên. Ông T nhận phần đất có khối tài sản nào phải thanh toán trị giá cho hàng thừa kế thứ nhất của ông C. Ngoài ra, ông T phải thanh toán một phần công tôn tạo, quản lý, trông nom phần đất mình được hưởng cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông C.

Về Án phí, nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tiến hành tố tụng, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T2, chị Nguyễn Thị H, ông Lê Văn T4 vắng mặt khi Tòa án triệu tập, Tòa án đã tiến hành việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn M, ông Lê Văn T4 tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án khách quan, đúng pháp luật.

2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Lê Văn T có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội giải quyết việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” với bà Khổng Thị T1 tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ông Lê Văn T và bà Khổng Thị T1 cùng xác định diện tích đất 545m² tại thửa số 73, tờ bản đồ 02 thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là di sản của cụ Lê Văn H1 và cụ Lê Thị T3 chết để lại, cụ H1, cụ T3 chết không để lại di chúc. Nay ông T yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, ông được quyền sử dụng 272,5m² thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để ổn định cuộc sống. Bà Khổng Thị T1 không nhất trí quan điểm của ông T, bà nhất trí chia cho ông T một phần đất nhưng không đồng ý về diện tích ông T yêu cầu. Theo quy định tại khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Lê Văn H1 chết ngày 13/12/1978, cụ Lê Thị T3, chết ngày 07/09/1996. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Văn H1 là ngày 13/12/1978, xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Thị T3 là ngày 07/09/1996. Ngày 12/9/2018 ông Lê Văn T khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H1, Lê Thị T3. Căn cứ vào Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

4. Về hàng thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai các đương sự đều thống nhất khẳng định và đại diện chính quyền địa phương xã TH xác định: Cụ Lê Văn H1 chết ngày 13/12/1978, cụ Lê Thị T3 chết ngày 07/09/1996. Bố mẹ đẻ của cụ Lê Văn H1 là cụ Lê Văn C3 (đã chết năm 1970) và cụ Lê Thị H6 (đã chết năm 1969). Bố mẹ đẻ của cụ Lê Thị T3 là cụ Lê Đức Tr (đã chết năm 1964) và cụ Lê Thị H7 (đã chết năm 1968). Cụ Lê Văn H1 và Lê Thị T3 có bốn người con chung là ông Lê Văn C, ông Lê Văn M, ông Lê Văn T và bà Lê Thị Y. Ngoài ra không có người con chung, con riêng là con đẻ, con nuôi hay nhận ai là bố mẹ nuôi nào khác. Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, cần xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn H1 và Lê Thị T3 theo pháp luật gồm: Ông Lê Văn C, ông Lê Văn M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Y. Tuy nhiên do ông Lê Văn M, bà Lê Thị Y đều từ chối nhận di sản của bố mẹ, đều nhất trí phần di sản của bố

mẹ để lại cho ông Lê Văn T và ông Lê Văn C được hưởng, ông M, bà Y cũng không cho tặng riêng ai phần di sản được hưởng. Nên cần xác định ông Lê Văn C, ông Lê Văn T là những người được hưởng di sản của cụ Lê Văn H1, Lê Thị T3 là có căn cứ. Ông Lê Văn C đã chết ngày 06/6/2016, nên phần di sản ông C được hưởng sẽ được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S là đúng quy định của pháp luật. Anh Lê Văn B và chị Lê Thị Lệ S đều thống nhất phần quyền lợi được hưởng từ chia di sản thừa kế sẽ tạm thời giao lại quyền sử dụng diện tích đất được chia cho bà Khổng Thị T1 và anh Lê Văn T2 sử dụng và nay không có bất cứ yêu cầu gì đối với bà T1, anh T2, đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên cần được xem xét chấp nhận cho đến khi phát sinh yêu cầu khác.

5. Về di sản thừa kế: Các đương sự đều xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn H1 và Lê Thị T3 để lại là quyền sử dụng diện tích đất $545m^2$ tại thửa số 73, tờ bản đồ 02 thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ngoài ra không có di sản nào khác. Thửa đất số 73 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa có sự thống nhất giữa những người có quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 19/7/2019 của Công ty TNHH Khảo Sát và đo đạc bản đồ Hà Nội, biên bản kiểm tra xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 19/7/2019 xác định: Thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 có diện tích $545m^2$, số liệu diện tích trên thực địa và số liệu diện tích ghi trên bản đồ số năm 2007 lưu tại UBND xã TH hoàn toàn trùng khớp, thửa đất không có sự biến động, không có chuyển đổi, chuyển nhượng, chia tách gì. Các đương sự hoàn toàn thống nhất với nhau về kết quả đo vẽ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả đo vẽ hiện trạng thực tế của Công ty TNHH Khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội, bản đồ số hóa 2007 lưu tại UBND xã TH để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Tại Công văn số 57/CV-UBND ngày 03/6/2019 và biên bản xác minh ngày 06/6/2019, Ủy ban nhân dân xã TH cho quan điểm: Thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 có diện tích $545m^2$ tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội từ lâu đã tồn tại lối đi (rộng 2,88m ở phía Nam) ra đường ngõ xóm (tư liệu bản đồ 299 và bản đồ số hóa năm 2007 đều thể hiện phần diện tích này), hiện nay xã TH đã mở thêm đường xóm 6 ở phía bắc thửa đất rộng hơn 03 mét. Nên nếu chia tách thửa đất số 73 thành hai thửa đất thì vẫn đảm bảo đủ diện tích tối thiểu để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và các thửa đất được chia tách vẫn có lối đi riêng. Vì vậy, hội đồng xét xử nhận thấy cần chia tách thửa đất số 73 thành hai thửa đất có diện tích mỗi thửa $272,5m^2$ và không cần thiết phải để lại một phần diện tích đất thuộc thửa số 73 để làm lối đi chung do các thửa đất đều đã tồn tại lối đi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Bà Khổng Thị T1 cùng các con là Lê Văn T2, Nguyễn Thị H đã xây dựng ngôi nhà ba tầng diện tích $195,9m^2$ cùng một gian nhà thờ mái bằng diện tích $37,6m^2$ kết cấu gắn liền và thông với nhà chính, phần công trình này được xây dựng gọn về phía Nam của

thửa đất số 73, nên việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích đất 272,5m² theo vị trí trên cho bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S sẽ không làm ảnh hưởng đến kết cấu các công trình đã xây dựng và phù hợp và đúng quy định pháp luật, hơn nữa phần diện tích đất này đã có lối đi cũ rộng 2,88 mét thông ra đường liên thôn xã TH, từ nhiều năm nay người dân vẫn sử dụng để đi lại và không có trở ngại gì.

Phần diện tích đất còn lại 272,5m² có cây cối ở phía bắc của thửa đất số 73, chưa có công trình xây dựng nên cần thiết giao cho ông Lê Văn T được quyền sử dụng để tạo lập chỗ ở tại địa phương là phù hợp quy định của pháp luật. Về phần cây cối bà Khổng Thị T1 và ông Lê Văn C đã trồng trên diện tích đất 272,5m² nên giao cho ông Lê Văn T được tiếp tục sử dụng và thụ hưởng hoa lợi, ông T có trách nhiệm thanh toán giá trị cây cối trên diện tích đất ông được hưởng cho bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S gồm: 01 (một) cây nhãn đường kính 60cm, cao trên 3,5m có giá 1.600.000đ; 03 (ba) cây bưởi đường kính 10cm có giá 600.000đ; 04 (bốn) cây chuối có buồng có giá 160.000đ tổng giá trị cây cối là: 2.360.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Phần tường bao do ông C, bà T1 xây dựng thuộc phần diện tích đất ông Lê Văn T được quyền sử dụng (từ điểm 2 đến 3 đến 4 theo sơ đồ đo vẽ), hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị của tường bao là 0 đồng do tường đã xây dựng nhiều năm, rịa nứt và không còn giá trị sử dụng nên cần thiết giao cho ông T sử dụng phần tường bao này và không phải thanh toán giá trị tường bao trên cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C.

Về cánh cổng sắt và trụ cổng do bà Khổng Thị T1 và anh Lê Văn T2 đang xây dựng làm lối đi mới, do không nằm trên diện tích đất bà T1 và anh T2 được hưởng thừa kế nên cần buộc bà T1, anh T2 phải dỡ bỏ trụ cổng và cánh cổng sắt trả lại mặt bằng cho ông Lê Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất, hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được phân chia.

Về phần công sức bảo quản, tôn tạo thửa đất số 73, tờ bản đồ 02 tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, Các đương sự gồm bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S, chị Nguyễn Thị H có lời khai nhưng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa các đương sự không C cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh. Thực tế toàn bộ tài sản trên đất trước đây do các cụ để lại gồm nhà ngói 04 gian và công trình phụ bà T1 và anh T2 đã đập phá để làm nhà mới năm 2017, nên không xác định được phần công tôn tạo, bảo quản di sản, các đương sự đã rút yêu cầu đồ đất nên trị giá 3.000.000,đ . Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự gồm bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B và chị Lê Thị Lệ S đều nhất trí phần di sản thừa kế được hưởng của ông Lê Văn C giao cho bà Không Thị T1 mang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này. HĐXX chấp nhận sự tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng gồm đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp: Ông Lê Văn T đã nộp số tiền 7.400.000đ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản, nay ông T yêu cầu bà Không Thị T1 phải hoàn trả lại cho ông toàn bộ số tiền này. Xét thấy việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, ông Lê Văn T là người có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp nên ông Lê Văn T phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng; Bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S phải liên đới chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng. Do đó, cần thiết phải buộc bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tức $\frac{1}{2}$ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là phù hợp pháp luật.

7. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần di sản được nhận theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Theo giá trị quyền sử dụng đất thừa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích $545m^2$ tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 1.362.500.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); diện tích đất là di sản thừa kế $545m^2$ thì tương ứng $01m^2$ có giá trị là 2.500.000đ. Như vậy giá trị tài sản ông Lê Văn T được chia là $272,5m^2 \times 2.500.000đ = 681.250.000đ$; Giá trị tài sản bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S được chia tổng là $272,5m^2 \times 2.500.000đ = 681.250.000đ$. Như vậy, ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **31.250.000đ** (ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S phải chịu tổng án phí dân sự sơ thẩm **31.250.000đ** (ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tức mỗi người chịu 7.812.500đ (bảy triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Tuy nhiên, ông Lê Văn T, bà Không Thị T1 đều đã trên 60 tuổi; Đang sinh hoạt hội người cao tuổi, có đơn đề nghị xin được miễn án phí. Nên thuộc trường hợp Người cao tuổi quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê Văn T, bà Không Thị T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Văn T2, chị Lê Thị Lệ S, anh Lê Văn B mỗi người phải chịu 7.812.500đ (bảy triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660; điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 2 Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1./Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bị đơn bà Khổng Thị T1 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Xác định ông Lê Văn C, ông Lê Văn M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Y thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn H1 và cụ Lê Thị T3. Đối với ông Lê Văn M, bà Lê Thị Y đều từ chối nhận di sản của bố mẹ để lại và nhất trí chia cho hai người được hưởng là ông Lê Văn C và ông Lê Văn T. Nên xác định ông Lê Văn C, ông Lê Văn T là những người được nhận di sản của cụ Lê Văn H1, cụ Lê Thị T3. Ông Lê Văn C đã chết năm 2016, phần di sản ông Lê Văn C được hưởng được phân chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C gồm bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B và chị Lê Thị Lệ S.

2./Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn H1, cụ Lê Thị T3 là quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 73, tờ bản đồ 02, diện tích 545m² tại thôn LT, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được chia như sau:

- Chia cho ông Lê Văn T quyền sử dụng diện tích đất 272,5m² được giới hạn bởi các điểm: 11,12,13,2,3,4,1,11 có các cạnh phía đông (từ điểm 11 đến 13 tổng chiều dài 13,48m) giáp đất nhà ông Lê Xuân Trình; phía bắc (từ điểm 13 đến 3 tổng chiều dài 16,74m) giáp đường xóm 6 mới; phía tây (từ điểm 3 đến 4 tổng chiều dài 15,93m) giáp đất nhà ông Lê Văn Da; phía Nam (từ điểm 4 đến 1 đến 11 tổng chiều dài 20,77m) giáp đất và nhà đã xây của bà Khổng Thị T1 (theo sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Chia cho bà Khổng Thị T1, anh Lê Văn T2, chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn C được quyền sử dụng chung phần diện tích đất 272,5m² được giới hạn bởi các điểm: 11, 1, 4,5,6,7,8,9,10,11 có các cạnh phía đông (từ điểm 8 đến 9, đến 10, đến 11 tổng chiều dài 11,87m) giáp đất nhà bà Lê Thị Liên và ông Lê Xuân Trình; phía bắc (từ điểm 11 đến 1 đến 4 tổng chiều dài 20,77m) giáp đất chia cho ông Lê Văn T; phía tây (từ điểm 4 đến 6

tổng chiều dài 12,92m) giáp đất nhà ông Lê Văn Da; phía Nam (từ điểm 6 đến 7 đến 8 tổng chiều dài 24,46m) giáp đất nhà ông Lê Văn T4 và ngõ xóm cũ (Theo sơ đồ đo đạc ngày 19/7/2019 kèm theo).

Phần cây cối do bà Không Thị T1, ông Lê Văn C đã trồng trên diện tích đất chia cho ông Lê Văn T được giao lại cho ông Lê Văn T sử dụng và hưởng lợi. Ông Lê Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S tổng số tiền : 2.360.000đ (*Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền giá trị cây cối trên diện tích đất được giao.

Bà Không Thị T1 và anh Lê Văn T2 phải dỡ bỏ trụ cổng đang xây dựng và cánh cổng sắt phía ngoài lối đi mới, do không nằm trên diện tích đất bà T1 và anh T2 được hưởng thừa kế để trả lại mặt bằng cho ông Lê Văn T.

Các đương sự có nghĩa vụ đến văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Hà Nội, chi nhánh Ba Vì để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được phân chia.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khi án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Lê Văn T và bà Không Thị T1. Ông Lê Văn T đã nộp số tiền 5.385.000đ (Năm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009155 ngày 08/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, khi án có hiệu lực pháp luật ông Lê Văn T được hoàn trả số tiền 5.385.000đ (Năm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) .

Anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S mỗi người phải chịu 7.812.500đ (bảy triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Không Thị T1, anh Lê Văn T2, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Lệ S có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 3.700.000đ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

5, **Về quyền kháng cáo:** căn cứ điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Ông T, bà T1, bà Y, anh T2, chị H, anh B, chị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông M, ông T4 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng;
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường